

### Phẩm 8: TỬ THÁNH ĐẾ

- Sớ từ câu: “Phẩm này nói rộng về.” tiếp xuống: Là nói về ý được tiếp nối. Văn nơi bản Sớ giải có ba phần:

Một: Đối chiếu với câu hỏi để biện giải về sự tiếp nối.

Hai: Từ câu: “Đã biết rõ Phật” tiếp xuống: Là căn cứ nơi nghĩa để biện giải về thứ lớp.

Ba: Từ câu: “Danh nêu trên là theo vật mà lập” tiếp xuống: Là biện giải về tướng của nghĩa chẳng đồng.

- Sớ câu: “Hai là giải thích tên gọi”: Văn nơi bản Sớ giải gồm hai:

Một: Chính thức giải thích tên gọi.

Hai: Nêu ra Thể-Tướng.

Một: Kinh, Luận bàn rộng về điều này, văn tóm lược nêu rõ nơi năm địa, lại giải thích. Nay sẽ biện giải gọn. Trước là xác nhận tên gọi. Sau là giải thích tên gọi. Trong phần trước, văn có ba chi tiết:

Thứ nhất: Cùng nêu lên cả hai nghĩa.

Thứ hai: Từ câu: “Gọi để là Thật” tiếp xuống: Là cùng giải thích cả hai nghĩa. Để chung cả hai nghĩa. Còn chữ Thánh thì chỉ thuộc về nghĩa để mà xét kỹ.

Thứ ba: Từ câu: “Luận Du Già” tiếp xuống: Là dẫn chứng về hai nghĩa. Pháp tánh là đế-thật. Thắng giải là đế xét kỹ.

- Sớ từ câu: “Bốn tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo” tiếp xuống: Là giải thích tên gọi. Gồm hai: Trước là nêu ra. Sau, từ câu: “Gọi chung là” tiếp xuống: Là giải thích.

- Sớ từ câu: “Tánh tướng thế nào?” tiếp xuống: Là phần thứ hai, biện giải về Thể-Tướng. Tức là, chính khi nêu ra về Thể-Tánh thì cũng là nói về Hành tướng, nên gọi là Thể-Tướng. Phần này cũng gồm hai:

Một: Biện giải về Tánh-Tướng.

Hai: Tóm kết, chỉ rõ phần kinh.

Một: Thông hợp thì có ý của Tông Thiên Thai về bốn thứ Tứ đế. Bốn thứ Tứ đế thì nơi phần Huyền đàm đã nêu ra. Nay lược dẫn về tên gọi.

Một là Sinh diệt Tứ đế.

Hai là Vô sinh Tứ đế.

Ba là Vô lượng Tứ đế.

Bốn là Vô tác Tứ đế.

Dựa theo chỗ giải thích thông thường thì chỉ có hai loại: Hoặc là

Hữu tác, Vô tác, Hoặc là Hữu lượng, Vô lượng. Hữu tác, Hữu lượng tức là quan điểm của Tiểu thừa. Vô tác, Vô lượng tức là Đại thừa. Nay dùng nghĩa chia ra nên thành bốn thứ Tứ đế.

Một tức Sinh diệt Tứ đế: Văn nơi bản Sở giải có ba phần:

Thứ nhất: Chính thức biện minh: Rõ là câu có hai nghĩa. Như “Bức bách gọi là khổ” tức giải thích tên gọi riêng, cũng chính là biện giải về Tướng. Một là bức bách nơi thân tâm, là Hành Tướng của khổ. Hai là “Sắc, tâm đều hữu lậu” chính là nêu ra Thể. Sắc, Tâm tức là năm uẩn. Tâm là bốn uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức), nên các Ấm dấy khởi mạnh là Khổ khổ, chẳng thân tóm pháp vô vi.

“Tăng trưởng gọi là Tập” là giải thích về hình tướng tên gọi, đó là tích chứa, làm tăng trưởng “Tức phiền não nghiệp”: Là nêu ra Thể. Hai đế sau (Diệt đế, Đạo đế) dựa theo đấy có thể nhận biết. Nhưng nơi Đạo đế đã dùng chữ Đẳng (xuất ly danh đạo, vị chỉ quán đẳng) là chỉ cho Bát chánh đạo.

Thứ hai: Câu: “Đây là căn cứ nơi Tướng mà nói, chung cả Đại, tiểu Thừa”: Là tóm kết về phần Sinh diệt Tứ đế.

Tuy nhiên, Tứ đế có Tướng có Tánh. Chỗ biện giải ở trên là Tánh của Tướng. Phần tiếp dưới nói Vô tướng là chân tánh.

Thứ ba: Từ câu “Trí Luận viết” tiếp xuống: Là dẫn chứng chung cho cả Tiểu thừa, Đại thừa. Cũng là tóm kết phần trước để phát sinh phần sau. Tóm kết phần trước là “Sinh diệt Tứ đế”. Từ câu “Tứ đế của Đại thừa là Vô tướng” tiếp xuống: Là phát sinh phần sau tức “Vô sinh Tứ chân đế”.

- Số từ câu: “Kinh đại Bát Niết-bàn nói” tiếp xuống: Là nói về Vô sinh Tứ đế. Văn nơi bản Sở giải gồm ba phần:

Một: Nêu dẫn kinh để chính thức biện minh.

Tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ mười ba lược chỉ ramột khổ. Nêu dẫn đầy đủ là: “Lãnh hội về Tập không hòa hợp gọi là Tập Thánh đế. Hiếu Diệt là không diệt, rõ Đạo là không đạo..” Nghĩa rộng là ở nơi văn tiếp theo.

Hai: Từ câu: “Nghĩa là thấu đạt về bốn duyên sinh” tiếp xuống: Là dùng nghĩa để giải thích kinh. Thế nào gọi là Vô sinh Tứ đế? Theo duyên nên không có tự tánh tức là Không. Cho nên gọi đó là Vô, chẳng phải là Vô của chấp đoạn. Diệt tuy là Vô vi, nhưng nhân nơi diệt trừ phiền não mà Vô vi hiển bày, nên gọi là theo duyên.

Nói: “Vượt mọi phương tiện, tỏ ngộ diệu chỉ, thành đại”: Tức Khổ, Tập, diệt đạo chính là “Thuyên về Không”. Cũng như cái Nơm

(Thuyên) cái bẫy dùng để tìm cá, thỏ. Diệu lý Vô tướng, Không, tức là cá, thỏ. Được cá thì bỏ nơm, là tỏ ngộ diệu lý Không thì mới đạt được Đại thừa, chẳng phải là lia bốn pháp ấy (bốn đế), ngoài ra sẽ có riêng Đại thừa. Cũng như chẳng phải là lia nơm mà được cá.

Ba: Từ câu: “Lạ như, kinh đại Bát Niết-bàn có đoạn” tiếp xuống: Là nêu dẫn kinh để chứng minh xác nhận nghĩa khác nhau của Đại thừa, Tiểu thừa, cùng chứng minh cho cả hai: Sinh diệt Tứ đế và Vô sinh Tứ đế. Kinh viết: “Thiện nam! do ý nghĩa ấy nên hàng phàm phu có khổ không có đế. Hàng Thanh văn, Duyên giác có khổ, có khổ đế nhưng không chân thật. Các vị Bồ tát thấu rõ khổ không Khổ, do vậy không Khổ mà có Chân đế. Hàng phàm phu có Tập mà không có đế. Hàng Thanh văn Duyên giác có Tập, có Tập đế, nhưng không chân thật. Chư vị Bồ tát thấu tỏ Tập là không Tập, vì thế không Tập mà có Chân đế. Thanh văn, Duyên giác có Diệt nhưng chẳng phải chân thật. Bồ tát Ma-ha-tát có diệt, có chân thật. Hàng Thanh văn, Duyên giác có Đạo nhưng không chân thật. Bồ tát Ma-ha-tát có đạo, có đạo có chân đế...” Nên nêu dẫn văn của kinh ấy để giải thích gồm luôn ba câu của đoạn từ “Thấu rõ Khổ là không Khổ” tiếp xuống.

Nói: “Nghĩa là nếu Khổ tức là đế” tiếp xuống: Là giải thích câu kinh “Hàng phàm phu không có đế”. Kinh đại Bát Niết-bàn, Phẩm Tứ đế có câu: “Phật lại bảo Ca diếp: Chỗ gọi là Khổ chẳng gọi là khổ Thánh đế. Vì sao? Vì nếu Khổ là Khổ Thánh đế, thì hết thấy hàng chúng sinh cùng súc sinh nơi địa ngục phải có Thánh đế.” Đây cũng là văn nơi kinh Tư Ích. Không đế ở đây là căn cứ nơi đế - suy xét kỹ mà nói, chẳng dựa nơi đế-chân thật. Nếu căn cứ theo đế-chân thật, thì chúng sinh nơi ba đường dữ là có khổ thật. Nói “Hàng Nhị thừa có đế nhưng không chân thật”. Có “Đế-suy xét kỹ” nên đã nhận biết đúng như thật về Khổ, chẳng giống với hàng phàm phu vọng chấp cho là vui. Phần “Không chân thật” thì có thể nhận biết.

Sớ từ câu: “Lại nữa, hàng Nhị Thừa tuy biết rõ về tướng của Khổ”: Là bàn về loại Tứ đế thứ ba: Vô lượng Tứ đế. Văn nơi bản Sớ giải có ba phần:

Một: Kế tiếp theo phần trên để xác lập Lý. Trước chẳng thấy tánh của khổ là pháp không, nên không chân thật. Đấy là chẳng rõ về Vô lượng, chẳng thấy về Tướng nên cũng chẳng phải là thấy chân thật. Trước tức là Trí của Lý, chỉ thấy “Sinh không”, nên chẳng bằng Bồ tát. Còn đây tức là Trí của Lượng. Do chỉ biết về tướng thô nên chẳng bằng Bồ tát.

Hai: Từ câu: “Nên Đại kinh có đoạn” tiếp xuống: Là dẫn văn để chứng minh, xác nhận. Đại kinh tức kinh Đại Bát Niết-bàn. Kinh viết: “Tôn giả Ca diếp bạch Phật: Thế Tôn! Ngày trước, có một thời Phật ở nơi rừng Thi Thủ bên bờ sông Hằng, bấy giờ Như Lai nắm trong tay mình một ít là cây, hỏi các vị Tỳ Kheo: Số lá cây hiện có trong tay Như Lai là nhiều, hay số lá cây nơi cỏ cây mọc ngoài rừng kia là nhiều? Các vị Tỳ Kheo thưa: Thế Tôn! Cỏ cây mọc khắp rừng núi đồi đất kia là nhiều, không thể tính kể. Còn số lá cây hiện có nơi tay của đức Thế Tôn thì ít, không đáng kể. Phật bảo: Này các Tỳ Kheo! Chỗ Như Lai thấu đạt về tất cả các pháp thì nhiều cũng như lácây nơi các cây cỏ mọc ở đại địa. Còn chỗ pháp Như Lai đã vì các chúng sinh mà giảng nói thì ít như nắm lá trong tay đây. Tôn giả Ca diếp nêu vấn nạn: “Vô lượng các pháp mà đức Thế Tôn đã thấu đạt, nếu hội nhập vào Tứ đế thì rõ là đức Thế Tôn đã thuyết giảng. Nếu chẳng hội nhập thì phải có năm đế” Phật khen ngợi Ca diếp: Lành thay! Lành thay! Chỗ hỏi của ông hôm nay đã có thể đem lại lợi ích an ổn, diệu lạc cho vô lượng chúng sinh. Này Thiện nam! Các pháp như thế là thấy đã được thấu tóm trong pháp Tứ đế. Tôn giả Ca diếp lại thưa: Các pháp như vậy nếu đã được thấu tóm nơi Tứ đế, thì đức Thế Tôn cơ sao lại nói là chẳng thuyết giảng? Phật nói: Thiện nam! Tuy là nhập vào trong ấy nhưng cũng gọi là chẳng nêu giảng. Vì sao? Là vì nhận biết rõ về Thánh đế có hai thứ Trí: Một là Trí bậc trung, hai là Trí bậc thượng. Trí bậc trung là hàng Thanh văn, duyên giác; Trí bậc thượng là chư Phật, Bồ tát. Này Thiện nam! Biết rõ về Ấm là khổ, gọi là Trí bậc trung. Phân biệt các Ấm có vô lượng hình tướng, thấy là các khổ thì đấy chẳng phải là chỗ nhận biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Đó gọi là Trí bậc thượng. Này Thiện nam! Các ý nghĩa như thế, Như Lai ở nơi các kinh kia trọn chẳng thuyết giảng”. Tiếp theo là nói về Nhập, Giới, cũng đều như đã nói về Ấm. Lại nữa, riêng phần nói về năm Ấm như Sắc v.v... mỗi mỗi đều nói về vô lượng tướng. Đây chính là ý của Vô lượng Tứ đế.

- Sở câu: “Luận Du Già nói về khổ có một trăm mười thứ.”: Một trăm thứ khổ tức nơi quyển thứ bốn mươi bốn của Luận văn đã nêu. Về số tăng thêm cần làm rõ.

Đầu tiên nói: “Tức là có một thứ khổ không sai biệt, là cái khổ của sự lưu chuyển”. Hết thấy chúng sinh đều có cái khổ lưu chuyển ấy. Lại có hai thứ khổ: Một là, dục là gốc của khổ, tức là do yêu mến sự vật, nó hoặc biến chuyển, hoặc bị hủy hoại nên sinh ra khổ. Hai là, do không biết về quả dị thực của sinh khổ. Nghĩa là, nếu thân tướng có



những biểu hiện mãnh liệt thọ nhận mọi tiếp xúc, tức ở nơi tự thân chấp ngã và ngã sở, ngu si mê lầm phát sinh bao oán than, do nhân duyên ấy nên phải chịu lấy hai mũi tên nơi thân và tâm. Lại có ba thứ khổ:

Một là Khổ Khổ.

Hai là Hành Khổ.

Ba là Hoại Khổ.

Tiếp theo là nói đến bốn khổ. Năm thì có năm khổ. Sáu thì có sáu khổ. Bảy thì có bảy khổ. Tám thì có tám khổ. Chín lại có chín khổ. Mười lại có mười khổ. Cộng lại thành năm mươi lăm thứ khổ.

Phần tiếp Luận viết: “Nên biết là lại có chín thứ khổ:

Một: Nhứt thiết khổ. (Cái khổ về hết thảy)

Hai: Quảng đại khổ. (Cái khổ rộng lớn)

Ba: Nhứt thiết môn khổ. (Cái khổ của hết thảy các môn)

Bốn: Tà hành khổ. (Khổ do hành theo tà kiến)

Năm: Lưu chuyển khổ. (Khổ do lưu chuyển)

Sáu: Bất tùy dục khổ. (Khổ do chẳng thuận theo dục)

Bảy: Vi hại khổ. (Khổ vì gây hại)

Tám: Tùy trục khổ. (Khổ do cứ theo đuổi)

Chín: Nhứt thiết chủng khổ. (Khổ về hết thảy mọi thứ)

Khổ thứ nhất được chia làm hai. Một là khổ sinh ra do nhân từ đời trước. Hai là khổ sinh ra từ chỗ duyên hợp hiện tại.

Khổ thứ hai được chia làm bốn khổ.

Khổ thứ ba cũng được chia làm bốn khổ.

Khổ thứ tư được chia ra làm năm khổ.

Khổ thứ năm được chia ra thành sáu khổ.

Khổ thứ sáu được chia ra làm bảy khổ.

Khổ thứ bảy được chia ra làm tám khổ.

Khổ thứ tám được chia ra làm chín khổ.

Khổ thứ chín được chia ra thành mười khổ.

Cộng lại thành năm mươi lăm thứ khổ. Hợp hai phần đã nêu thành một trăm mười thứ khổ.

- Số từ câu: “Nhưng trong kinh này” tiếp xuống: Là lãnh hội văn của kinh Hoa Nghiêm chính là đồng với Vô lượng Tứ đế.

